

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Danh Tuất
2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2022/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 46 /2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp ÔT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hữu N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp ÔT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-4-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Bà chung sống với ông Lê Hữu N vào năm 2004 và đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 09-6-2010 (giấy chứng nhận kết hôn số 43). Hôn nhân trên cơ sở

hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Sau khi kết hôn bà D và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N nhậu nhẹt, không lo cho gia đình con cái và còn hành hung, đánh đập bà D. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải và thông cảm bỏ qua cho nhau nhưng không thành, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào khắc phục được. Từ tháng 7/2022 đến nay bà D về nhà cha mẹ ở Ấp ÔT sinh sống. Nay bà D xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông N không còn nên bà xin ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Bà D và ông N có 02 con chung là Lê Thị Bích Th, sinh ngày 22/7/2004 và Lê Thành Ng, sinh ngày 13/02/2010. Hiện cháu Thuyền đã trưởng thành, còn cháu Nguyên ở với ông N. Bà D đồng ý để ông N nuôi cháu Nguyên và bà D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Hữu N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung với ông N. Ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn ông N vắng mặt trong quá trình tố tụng là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị D yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Lê Hữu N nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông N có địa chỉ cư trú tại huyện XM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh

Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà D và ông N chung sống với nhau vào năm 2004 và đăng ký hôn vào ngày 09/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà D và ông N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông N chơi bời, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, có lần còn hành hung bà D nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Theo bà D hôn nhân của bà và ông N không có hạnh phúc. Tại Tòa bà xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác minh cho thấy: Bà D và ông N chung sống với nhau vào năm 2004 tại Ấp ÔT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N chơi bời, cờ bạc, rượu chè và không lo làm ăn. Từ năm 2021 đến nay bà D về nhà cha mẹ để sinh sống. Ông N và bà D có 02 con chung.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông N không có thiện chí mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông N là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông, bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, không chung sống cùng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông N.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà D và ông N có 02 con chung là Lê Thị Bích Th và Lê Thành Ng, cháu Thuỳ đã trưởng thành còn cháu Nguyên ở với ông N. Sau khi ly hôn bà D đồng ý để ông N nuôi cháu Nguyên, bà D không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân, cháu Nguyên sống ổn định cùng ông N, cháu Nguyên phát triển bình thường, đồng thời cháu Nguyên có nguyện vọng ở với ông N, do đó để tránh xáo trộn trong tâm lý, sinh hoạt của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn. Giao con chung Lê Thành Ng cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông N về việc yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Do đó, dành quyền khởi kiện cho ông N về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[2.3] Về chia tài sản: Bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị D ly hôn ông Lê Hữu N.

2. Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị D và ông Lê Hữu N có 02 con chung là Lê Thị Bích Th, sinh ngày 22/7/2004 và Lê Thành Ng, sinh ngày 13/02/2010. Hiện cháu Thuỳên đã trưởng thành, cháu Nguyên đang ở với ông N.

Ông Lê Hữu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thành Ng. Bà Phạm Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0011041 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**